

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN 77 LAND

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN 77 LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 77 LAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPAY

Tên công ty viết tắt: 77 LAND., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400936213

3. Ngày thành lập: 04/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu đô thị Rùa Vàng, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0879 899 998 ; 0985 636 689 Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
12.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng	8291
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
29.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
30.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
31.	Hoạt động thể thao khác	9319
32.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
33.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
34.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
38.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
39.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
40.	Quảng cáo	7310
41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710
43.	Bán buôn tổng hợp	4690
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
50.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
51.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
54.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
55.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

56.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
57.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
58.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
59.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
60.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
61.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
62.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
63.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
64.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
65.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
66.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
67.	Sản xuất giày, dép	1520
68.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
69.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
70.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
71.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
73.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
74.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
75.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
76.	In ấn	1811
77.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
78.	Sao chép bản ghi các loại	1820
79.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
80.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
81.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
82.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
83.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
84.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
85.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
86.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
87.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
88.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
89.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

90.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
91.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
92.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
93.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
94.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
95.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
96.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
97.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
98.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
99.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
100.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
101.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
102.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
103.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
104.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
105.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
106.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
107.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
108.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
109.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
110.	Bốc xếp hàng hóa	5224
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
113.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
114.	Cơ sở lưu trú khác	5590
115.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
116.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
117.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
118.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
119.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
120.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
121.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
122.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
123.	Đại lý du lịch	7911
124.	Điều hành tua du lịch	7912

125.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
126.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
127.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
128.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
129.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
130.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
131.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
132.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
133.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
134.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
135.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
136.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
137.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
138.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
139.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
140.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
141.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
142.	Thu gom rác thải độc hại	3812
143.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
144.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
145.	Tái chế phế liệu	3830
146.	Xây dựng nhà để ở	4101
147.	Xây dựng nhà không để ở	4102
148.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
149.	Xây dựng công trình điện	4221
150.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
151.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
152.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
153.	Xây dựng công trình thủy	4291
154.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
155.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
156.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
157.	Phá dỡ	4311
158.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
159.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
160.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

161.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
162.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
163.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
164.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
165.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
166.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
167.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ ĐUY KHA	Khu đô thị Rùa Vàng, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	8.000.000.000	40,000	024076005094	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	8.000.000.000	40,000		

2	VŨ DUY HUẤN	Khu đô thị Rùa Vàng, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	4.000.000.000	20,000	024200009771
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	4.000.000.000	20,000	
3	NGUYỄN TRỌNG NGHIÊM	Thôn Nguyên, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	8.000.000.000	40,000	121405756
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	80.000	8.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG NGHIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 121405756

Ngày cấp: 05/12/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Thôn Nguyên, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nguyên, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

* Họ và tên: VŨ ĐUY KHA

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 05/05/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024076005094

Ngày cấp: 09/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Rùa Vàng, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu đô thị Rùa Vàng, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang